

CHỦ TRƯỞNG BÀI TRỪ MÊ TÍN DỊ ĐOAN CỦA PHẬT GIÁO HOÀ HẢO

Trần Hoàng Phong*
Đình Văn Nhân**

Tóm tắt: Phật giáo Hoà Hảo là một tôn giáo nội sinh ra đời năm 1939 ở miền Nam Việt Nam do ông Huỳnh Phú Sổ sáng lập. Phật giáo Hoà Hảo có chủ trương học Phật - tu nhân rất rõ ràng và đơn giản, tương tự như đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu nghĩa - hai tôn giáo đã ra đời trước đó. Bên cạnh đó, chủ trương bài trừ mê tín dị đoan của Phật giáo Hoà Hảo được thể hiện khá rõ nét trên các phương diện: không tạc thêm tượng, xây thêm chùa; thờ ông bà tổ tiên, anh hùng liệt sĩ, không thờ thần Phật không rõ căn tích; không cúng kiếng linh đình, không đốt vàng mã.

Từ khoá: Bài trừ mê tín dị đoan, Phật giáo Hoà Hảo, tôn giáo nội sinh.

1. Dẫn luận

Phật giáo Hoà Hảo là một tôn giáo nội sinh ra đời năm 1939 tại làng Hoà Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay là thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang) do ông Huỳnh Phú Sổ (1920 - ?) sáng lập. Sự ra đời và giáo lý của Phật giáo Hoà Hảo có mối liên hệ với các tôn giáo có trước đó tại vùng đất này như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa,... Giáo lý cơ bản của Phật giáo Hoà Hảo được thể hiện tập trung ở hai phương diện chính là *học Phật và tu nhân*, nhìn chung khá gần gũi, đơn giản, dễ thực hiện và phù hợp với đại đa số tầng lớp bình dân của Nam Bộ lúc bấy giờ. Bên cạnh đó, ông Huỳnh Phú Sổ - giáo chủ Phật giáo Hoà Hảo (còn được tôn là thầy Tổ, Đức tôn sư, Đức thầy, Đức Huỳnh giáo chủ) cũng đã thể hiện một chủ trương nhất quán trong việc bài trừ mê tín dị đoan trong đời sống của người dân như một phương thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và hướng con người đến cuộc sống văn minh, loại bỏ các quan điểm lạc hậu, tập trung vào sản xuất, nâng cao đời sống. Bài viết này tập trung làm rõ chủ trương đó của ông Huỳnh Phú Sổ qua một số phương diện được ông tuyên bố trong các bài giảng và tác phẩm của mình.

Tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín dị đoan nói chung đều là những hiện tượng xã hội dựa trên những niềm tin về thế giới vô hình mà con người không nắm bắt và/hoặc không giải thích được. Đây cũng là đặc trưng trong đời sống tâm linh con người nói chung.

Luật Tín ngưỡng tôn giáo năm 2016 có nêu định nghĩa về tín ngưỡng, tôn giáo nhưng không định nghĩa về mê tín dị đoan. Theo đó, “tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng” (1). Còn “tôn giáo là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức” (2).

Mê tín dị đoan cũng dựa trên những niềm tin tâm linh nhưng khác với tín ngưỡng và tôn giáo nó có ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống và có thể gây nên những hậu quả, có khi là nghiêm trọng cho cá nhân và cộng đồng. Từ điển tiếng Việt định nghĩa “dị đoan là điều quái lạ ở trong ý nghĩ dân gian, do mê tín mà ra” (3). Tác giả Trương Thìn nhận định tôn giáo và tín ngưỡng đều có tính chất mê tín, tức là tin vào những điều không chứng minh, không có thật. Mê tín dị đoan cũng vậy. Do đó, ta phải bóc tách vấn đề thành hai mặt là mê

* ** Trường Đại học Đồng Tháp.

tín và dị đoan. Có những vấn đề là mê tín nhưng không dị đoan, tín ngưỡng và tôn giáo thuộc trường hợp đó. Vậy có thể nhìn nhận mê tín dị đoan là niềm tin vào điều quái lạ, huyền hoặc, nhằm níu dẫn đến những suy nghĩ và hành động lệch lạc, tác động xấu đến đời sống cá nhân và cộng đồng. Do đó, ta không chống và không thể chống mê tín mà chống dị đoan, và để rõ ràng hơn cần nói là chống mê tín dị đoan (4).

2. Chủ trương bài trừ mê tín dị đoan của Đức Huỳnh giáo chủ

Nổi tiếp nỗ lực xây dựng một tôn giáo với nghi lễ đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, khôi phục các giá trị của Phật giáo và góp phần giữ gìn truyền thống văn hoá dân tộc của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ông Huỳnh Phú Sổ đã tỏ rõ chủ trương bài trừ mê tín dị đoan trong cuộc sống của người dân Nam Bộ lúc bấy giờ, thể hiện qua một số phương diện sau:

2.1. Chủ trương không tạc thêm tượng, không xây thêm chùa

Từ xưa đến nay, theo quan niệm của người Việt, chùa là nơi thờ Phật, là cơ sở thờ tự chính thức của Phật giáo. Phật giáo có thể được xem là tôn giáo có ảnh hưởng sâu sắc nhất đến tầng lớp bình dân trong xã hội Việt Nam, đặc biệt là Tịnh Độ Tông. Sự ảnh hưởng mạnh mẽ đến nỗi người Việt có thói quen niệm câu “Nam mô A - Di - Đà Phật” khi vào bất cứ ngôi chùa nào, thuộc hệ phái gì và có khuynh hướng gọi các cơ sở tôn giáo nói chung là “chùa”. Thói quen đó có cơ sở lịch sử của nó. Phật giáo có thể nói là tôn giáo đầu tiên du nhập vào Việt Nam và có thời gian đồng hành lâu dài nhất cùng dân tộc. Trong nhiều thời kỳ lịch sử, Phật giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống trong xã hội, có ảnh hưởng đến cuộc sống, phong tục, tập quán của người Việt. Từ niềm tin, sự ngưỡng mộ Phật giáo dẫn đến sự tin tưởng và ngưỡng mộ đội ngũ tăng - ni như là một hệ quả tất yếu. Phật giáo nói chung, đội ngũ tăng - ni nói riêng dần trở thành điểm tựa, tấm gương cho nhiều người. Lâu dần, tăng - ni được giao thêm nhiều trọng trách, phụ trách thêm nhiều việc liên quan đến

đời sống tâm linh của cộng đồng. Tuy nhiên, cũng từ đó (cùng với nhiều nguyên nhân khác) làm xuất hiện những tăng - ni chuyên cung cấp các dịch vụ tâm linh, xem niềm tin của cộng đồng là thị trường tiềm năng và lợi dụng chùa làm nơi kinh doanh, “buôn thần bán thánh”. Những tăng - ni này tuy không nhiều nhưng đã gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Phật giáo và đội ngũ những nhà tu hành chân chính, làm giảm lòng tin của cộng đồng.

Thấy được thực trạng đó, ông Huỳnh Phú Sổ khi sáng lập Phật giáo Hoà Hảo đã kêu gọi tín đồ tu tại gia, không tạc thêm tượng cốt, không xây dựng thêm chùa chiền để tránh lãng phí và không tạo cơ hội cho những kẻ núp bóng nhà sư mưu cầu tư lợi, lợi dụng lòng tin của tín đồ. Ông từng viết: “Từ trước đến nay, các chùa chiền đã tạo quá nhiều hình tượng. Đành rằng vì tôn kính đáng Từ Bi mới làm ra thờ phượng Ngái, nhưng cũng có kẻ lợi dụng để thủ lợi. Bây giờ chúng ta không nên tạo thêm nữa... Nhưng riêng về cư sĩ ở nhà không nên tạo thêm nữa; nên thờ đơn giản cho lòng tin tưởng trở lại tâm hồn hơn ở vào sự hào nhoáng bề ngoài” (5). Theo ông, Phật ở trong tâm, tu theo Phật là cốt theo tinh thần vô vi của Phật chứ không phải chú trọng ở hình tượng, ở tượng cốt:

*Phật tại tâm chớ có đâu xa,
Mà tìm kiếm ở trên Non - Núi.
Chúng đục đẽo những cây vôi củi,
Đắp xi măng sơn phết đặt tên.
Ngục A-Tỳ dựa kể một bên,
Chờ những kẻ tu hành giả dối.
Khuyên sư vải mau mau cài hỏi,
Làm vô vi chánh Đạo mới mau.
Đạo Thích-Ca nhiều nẻo cao sâu,
Hãy tìm kiếm cái không mới có.
Ngôi Tam bảo hãy thờ Trần-Đô,
Tạo làm chi những cốt với hình” (6).*

Ở đây chúng ta thấy được tinh thần tiên bộ của người sáng lập Phật giáo Hoà Hảo từ

những năm 40 của thế kỷ XX. Tinh thần này là sự tiếp nối truyền thống không thờ tượng cốt, hành đạo đơn giản của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có từ trước đó. Tuy nhiên, đến lượt mình, Đức Huỳnh giáo chủ đã thể hiện quan điểm của mình một cách rõ ràng và giải thích tương đối cặn kẽ cho tín đồ hiểu được việc gì nên và không nên. Nhìn xa hơn có thể thấy, quan niệm “Phật tại tâm chứ có đâu xa”, thờ cúng Phật chủ yếu dựa vào lòng tin tưởng, không nệ tượng cốt có những điểm tương đồng với quan niệm, Phật tại tâm của vua Trần Thái Tông (1218-1277). Chủ trương này không mới, nhưng đặt trong bối cảnh lúc bấy giờ nó rất cần được đánh giá cao trong việc góp phần giúp cộng đồng hiểu được bản chất thực sự của Phật giáo nói riêng, của tôn giáo nói chung cũng như giúp ích cho việc bài trừ mê tín dị đoan khỏi cuộc sống con người.

2.2. Chủ trương thờ tổ tiên cha mẹ, anh hùng liệt sĩ người Việt Nam; không thờ thần, Phật không rõ căn tích

Phật giáo Hoà Hảo là sự tiếp nối truyền thống của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa, do đó, việc đề cao và thực hành “tứ ân” là điều hoàn toàn dễ hiểu. Cũng tương tự như hai tôn giáo có trước đó, Phật giáo Hoà Hảo quan niệm tứ ân gồm: ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo và ân đồng bào nhân loại. Dễ dàng nhận thấy, trong bốn đối tượng thuộc tứ ân thì tổ tiên cha mẹ là đối tượng gần gũi nhất đối với mỗi người. Do đó, Đức Huỳnh giáo chủ yêu cầu đối với tổ tiên cha mẹ, việc hiếu nghĩa là điều trước hết phải làm. “Sách xưa có câu: “Thiên kinh vạn điển hiếu nghĩa vi tiên” (muôn vạn quyển kinh của Phật Thánh Tiên đều dạy sự hiếu nghĩa làm đầu)” (7). Một quan điểm rất tiến bộ của Đức Huỳnh giáo chủ khi nói về thực hành ân tổ tiên cha mẹ là ông coi trọng việc đền ơn cha mẹ lúc cha mẹ còn sống hơn là việc cúng bái sau khi cha mẹ đã qua đời. Ông từng viết: “Muốn đền ơn cha mẹ, lúc cha mẹ còn đang sanh tiền, có dạy ta những điều hay lẽ phải ta rán chăm chỉ

nghe lời, chớ nên xao lãng làm phiền lòng cha mẹ. Nếu cha mẹ có làm điều gì lầm lẫn trái với nhân đạo, ta rán hết sức tìm cách khuyên lơn ngăn cản. Chẳng thế, ta cần phải lo nuôi dưỡng báo đền, lo cho cha mẹ khỏi đói rách, khỏi bệnh hoạn ốm đau, gây sự hòa hảo trong đệ huynh, tạo hạnh phúc cho gia đình, cho cha mẹ vui lòng thỏa mãn. Rán cầu cho cha mẹ được hưởng điều phước thọ. Lúc cha mẹ quá vãng, hãy tu cầu cho linh hồn được siêu thăng nơi miền Phật cảnh, thoát đọa trầm luân” (8). Thờ cha kính mẹ như vậy mới là hiếu nghĩa, vì nó là đạo lý ngàn đời của dân tộc.

Bên cạnh đó, ông còn chủ trương thờ các anh hùng liệt sĩ người Việt Nam. Theo Phật giáo Hoà Hảo, các anh hùng liệt sĩ người Việt Nam là những tấm gương sáng về thực hành “tứ ân”. Bởi các anh hùng liệt sĩ là người xả thân bảo vệ quê hương đất nước, là những người báo đáp ân đất nước một cách đầy tự hào. Do đó, việc thờ các anh hùng liệt sĩ cũng là cách thể hiện tinh thần trọng tứ ân của tín đồ bốn đạo. Trong số các anh hùng liệt sĩ người Việt Nam thời bấy giờ, Nguyễn Trung Trực (1838-1868) có lẽ là nhân vật được tôn thờ nhiều nhất. Hình ảnh của Nguyễn Trung Trực xuất hiện trong Phật giáo Hoà Hảo dưới ba phương diện. Thứ nhất, khi thành lập lực lượng vũ trang của giáo phái mình, ông Huỳnh Phú Sổ và các tín đồ Phật giáo Hoà Hảo đã trân trọng ưu ái đặt tên là “Bộ đội Nguyễn Trung Trực”. Thứ hai, tại các cơ sở thờ tự của Phật giáo Hoà Hảo Nguyễn Trung Trực được thờ ở vị trí trang trọng. “Trong tâm thức của người dân Nam Bộ nói riêng, của người dân Việt Nam nói chung luôn chất chứa tình yêu nước cao độ. Người dân có truyền thống chiến đấu chống giặc xâm lược, nên họ kính yêu các anh hùng dân tộc, các chiến sĩ, đồng bào xả thân vì nước, vì dân. Từ sự thành kính ngưỡng mộ đó, cũng như tất cả những người Việt Nam yêu nước, nhân dân Nam Bộ, đặc biệt là bà con cư sĩ, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo là tôn giáo nội sinh hậu thân của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương, đều thiết lập bàn thờ cùng với tượng, ảnh Nguyễn Trung Trực. Tất cả các tín đồ Phật giáo Hòa

Hào rất ngưỡng mộ và tôn kính vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, gọi ông là “Ông Soái”. Nguyễn Trung Trực được suy tôn là “Quan Thượng đẳng đại thần” (9). Thứ ba, trong các lời nguyện của tín đồ Phật giáo Hoà Hào thấy có sự xuất hiện của anh hùng Nguyễn Trung Trực dưới danh hiệu “Quan Thượng đẳng đại thần”. Cụ thể, trong phần hướng dẫn cúng lạy cho người cư sĩ tại gia, phần nói về Bài nguyện trước bàn thờ Phật, Đức Huỳnh giáo chủ hướng dẫn nguyện: “Nam mô Ta - Bà Giáo chủ... Nam mô Phật-Tổ, Phật-Thầy, Quan Thượng-Đẳng Đại Thần, Chư Quan Cứu Thần...” (10). Việc coi trọng và thờ phụng các vị anh hùng liệt sĩ người Việt Nam vừa đề tín đồ nhớ về những người có công với quê hương đất nước, giúp ích trên con đường thực hành tứ ân đồng thời loại bỏ dần những vị thần, thánh có xuất xứ ngoại lai mà trong quá trình du nhập và phổ biến ít nhiều bị làm sai lệch, mang màu sắc mê tín dị đoan.

Khi nói về việc tin theo một đạo nào đó, Đức Huỳnh giáo chủ còn đề ra một chủ trương vô cùng khách quan, khoa học mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đó là khi ta tìm học theo một tôn giáo nào, thờ cúng một vị thần nào thì cần hiểu rõ về vị ấy cũng như tôn chỉ của vị ấy để hành đạo cho đúng. Theo ông, con người khi theo tôn giáo cần có đức tin, lòng lành và trí huệ mà phán xét, chớ để bị lầm lạc hoặc bị gạt gẫm. Ông nói: “Nếu ta cứ đem đức tin thờ phượng tôn giáo bằng cách sai lầm thì rất có hại cho đời mạng của ta. Như vậy chỉ tỏ ra một người rất mê tín (mặc dầu Đạo của ta thờ là một Đạo rất chánh đáng). Vậy đồng thời Đức Tin và Lòng Lành phải để cho nó đi cặp luôn luôn. Có Đức Tin (Tin về thần quyền) mà thiếu Lòng Lành thì rất dễ bị tà thần cám dỗ, bọn tăng đồ lợi dưỡng gạt lường. Bởi những kẻ ấy thường bày ra cúng kiếng để chuộc tội, hoặc bắt buộc ta thờ kính một cách phiền phức làm cho lòng u tối của ta càng ngày càng u tối thêm. Còn có lòng lành mà thiếu đức tin vào công việc từ thiện của mình thì lòng lành ấy thường hay thối chuyển vậy. Vậy đồng thời với đức tin và

lòng thành phải đi cặp luôn luôn. Có đức tin và lòng lành rồi thì dùng trí tuệ mà bình đoán cái Đạo của ta đang học hay sẽ học một cách xác thực, tìm hiểu cho rõ ràng cái mục đích ấy, như thế mới mong thoát khỏi tà kiến gạt gẫm ta đem đức tin, lòng lành cống hiến vào chỗ thấp hèn hay một ông thầy mê dốt” (11).

Về việc thờ cúng, ông cũng có những chỉ dẫn rất rõ ràng, thể hiện chủ trương nhất quán, khách quan và khoa học. Ông cho rằng: “Đừng thấy ai theo mỗi Đạo nào đông đảo rồi ta cũng vội vàng theo Đạo ấy mà lúc đó ta chưa hiểu giáo lý ấy như thế nào. Cũng đừng thấy người ta thờ Phật rồi vội vã lập bàn thờ Phật, mà chưa hiểu ông Phật thế nào và tại sao phải thờ kính Đức Phật. Nếu tu như thế, thờ Phật như thế, thì càng tu càng thờ bao nhiêu càng tỏ ra cho thiên hạ thấy rõ ta mê tín bấy nhiêu” (12). Hơn nữa, ông nhấn mạnh: “Ngoài sự thờ Phật, tổ tiên, ông bà, cha mẹ và những vị anh hùng của đất nước, không nên thờ vị tà thần nào khác mà mình không rõ căn tích” (13). Đây có thể xem là một tư tưởng quan trọng giúp người Việt giữ gìn văn hoá nước nhà, tránh bị văn hoá ngoại lai xâm nhập, làm biến tướng.

Ở chòm xóm đừng cho nhớ bọn,

Rán giữ gìn phong hoá nước nhà (14).

3.3. Chủ trương không cúng kiếng linh đình, không đốt vàng mã

Cúng kiếng tại các cơ sở thờ tự và tại gia đình là một thực hành tôn giáo quen thuộc thể hiện sự tôn kính của tín đồ đối với các đấng thiêng liêng. Tuy nhiên, qua thời gian phát triển và vì nhiều nguyên nhân khác nhau hoạt động này đã bị làm biến đổi theo nhiều hướng, có khi tạo thành những nghi thức rườm rà, phức tạp, gây nên những tiêu cực trong cuộc sống. Tiếp nối truyền thống đơn giản hoá các nghi thức tôn giáo của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa, khi sáng lập Phật giáo Hoà Hào, Đức Huỳnh giáo chủ cũng kêu gọi tín đồ thờ phụng đơn giản, tùy hoàn cảnh gia đình, không cúng kiếng linh đình, không đốt vàng mã. Quan niệm của ông rất

thực tế và cũng rất tiền bộ khi cho rằng việc thờ cúng cốt ở cái tâm, còn hình thức bề ngoài chỉ là phụ. Nếu cúng kiếng linh đình, xa xỉ thì khác nào mua chuộc thần thánh, làm mất ý nghĩa của việc thờ cúng. Ông nói:

*Lũ thầy đám hay bày trò khi,
Mượn kinh luân tụng mượn lấy tiền.
Chỗn Diêm - Đình ghi tội liên miên,
Mà tãng chúng nào đâu có rõ.
Theo Thần-Tử tạo nhiều chuông mõ,
Từ xưa nay có mấy ai thành?
Phật từ bi độ từ độ sanh,
Là độ kẻ hiền lương nhơn ái.
Xá với phước là điều kỳ quái,
Làm trai đàn che miệng thế gian.
Kẻ vinh hoa phú quý giàu sang,
Mượn tãng chúng dựng làm chữ hiếu.
Thương bá-tánh vì không rõ hiểu,
Tương vậy là nhơn nghĩa vẹn tròn (15)*

Việc đốt vàng mã cũng là một việc không nên làm vì nó không có tác dụng gì, ngược lại còn gây tốn kém, lãng phí và tạo điều kiện cho những kẻ “buôn thần bán thánh” trục lợi, ông nói:

*Kinh với sám tụng nghe thành thót,
Lũ nhum bông tập luyện đã rành.
Đầu với đờn, kèn, trống nhịp sanh,
Làm ăn rạp dựng đòi cao giá.
...
Những giấy tiền vàng bạc cũng thôi,
Chớ có đốt tốn tiền vô lý.
...
Thấy chúng sanh lầm lạc đáng thương,
Cõi Âm-Phủ đâu ăn của hối.
...
Tu Vô-Vi chớ cúng chè xôi,
Phật chẳng muốn chúng sanh lo lót.
Tãng với chúng ưa ăn đồ ngọt,
Nên bày ra cúng kiếng hoài hoài.*

...

*Kẻ nghèo khó tu hành ngay thẳng,
Không cầu siêu Phật bỏ hay sao?*

...

*Ăn không hết lo dành lo cất,
Đem bạc trăm cúng Phật mà chi.
Phật Tây-Phương vốn tánh từ bi,
Đâu túng thiếu và quơ mà tới.*

...

*Phật Tây-Phương có lẽ hiểu dư,
Dụng tâm ý chớ không dụng vật (16).*

Việc thờ cúng cốt sao cho thanh sạch, đơn giản, dễ làm, thể hiện tấm lòng thành, kể cả cúng Phật cũng như cúng tổ tiên. Trong phần nói về cách thờ phượng, hành lễ và sự ăn ở của một tín đồ Phật giáo Hoà Hảo ông từng nói rõ: “Về cách cúng Phật, chi nên cúng nước lạnh, bông hoa và nhang thôi... Ngoài ra, chẳng nên cúng một món gì khác cả. Bàn thờ ông bà cúng món chi cũng dựng” (17). Trong “Lời khuyên bốn đạo”, ông cũng nêu rõ: “Ta không nên đốt giấy tiền vàng bạc, giấy quần áo mà tốn tiền vô lý, vì cõi Diêm-Vương không bao giờ ăn hối lộ của ta, mà cũng không xài được nữa, phải để tiền lãng phí ấy mà cứu trợ cho những người lỡ đường đói rách, tàn tật... Tất cả thiện nam tín nữ trong Tôn giáo nhà Phật lúc rảnh việc nên thường coi kệ giảng mà giữ gìn phong hoá nước nhà, giữ những tục lệ chơn chánh, bỏ tất cả những sự dị đoan mê tín thái quá mà làm cho đạo đức suy đồi” (18). Rõ ràng, ở đây ta thấy một tinh thần tiến bộ, một nghị thức thực hành tôn giáo hiện đại, chú trọng ở cái tâm, cái thực, gạt bỏ mọi sự hào nhoáng, hình thức. Điều đó giúp tín đồ tập trung vào vấn đề tâm linh hơn là vào lễ vật tốn kém, nghị thức rườm rà - một khía cạnh dễ gây ra dị đoan.

3. Kết luận

Trong dòng chảy của sự ra đời các tôn giáo mới ở Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX, Phật giáo Hoà Hảo do Đức Huỳnh giáo chủ sáng lập

được xem là sự kế tục xuất sắc của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa - hai tôn giáo ra đời trước đó. Nổi tiếp truyền thống đơn giản hoá và bản địa hoá Phật giáo, Phật giáo Hoà Hảo chủ trương quay về với cội nguồn tâm linh của Phật giáo và thực hành nghi lễ đơn giản, thiết thực, loại bỏ những nghi thức rườm rà, cầu kỳ, phức tạp, gây khó khăn cho tín đồ, dễ dẫn tới mê tín dị đoan.

Đó là các chủ trương không tạc thêm tượng, xây thêm chùa; chỉ thờ tổ tiên cha mẹ, anh hùng liệt sĩ người Việt Nam, không thờ thần, Phật không rõ căn tích; không cúng kiếng linh đình, xa xỉ và không đốt vàng mã. Đó vừa là phương pháp giúp cộng đồng hiểu rõ hơn căn gốc của tín điều Phật giáo nói chung, đồng thời trên cơ sở đó dần loại bỏ những hủ tục, những yếu tố văn hoá ngoại lai, xa lạ và có yếu tố dị đoan trong đời sống, giữ gìn phong hoá nước nhà. Mặc dù ra đời cách đây hơn 80 năm nhưng những chủ trương trên hiện vẫn có ý nghĩa và giá trị thực tiễn sâu sắc./.

T.H.P - Đ.V.N

1, 2. Quốc hội khoá 14 (2018), *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 8.

3. Nguyễn Như Ý (chủ biên, 2008), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, Nxb. Giáo Dục, tr. 224.

4. Trương Thìn (2007), *101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục Việt Nam*, Nxb. Hà Nội, tr. 273.

5. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), *Sám giảng thi văn toàn bộ của Đức Huỳnh Giáo chủ*, quyển sáu, tr. 150.

6. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), *Sám giảng thi văn toàn bộ của Đức Huỳnh Giáo chủ*, quyển nhì, tr. 57.

7, 8. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), tldd, quyển sáu, tr. 134.

9. Hoàng Giám, Huyền thoại anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực - Bài 5: Nguyễn Trung Trực - vị thần của người dân Nam Bộ, Cổng thông tin điện tử Kiên Giang, truy cập ngày 25/7/2022 (<https://kiengiang.gov.vn/trang/TinTuc/106/3776/Bai-5--Nguyen-Trung-Truc---vi-than-cua-nguoi-dan-Nam-Bo.html>).

10. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), tldd, quyển sáu, tr. 157.

11. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), *Sám giảng thi văn toàn bộ của Đức Huỳnh Giáo chủ*, Phần Thi văn giáo lý, Trong việc tu thân xử kỷ, tr. 365.

12. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), tldd, Phần Thi văn giáo lý, Trong việc tu thân xử kỷ, tr. 366.

13. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), tldd, quyển sáu, tr. 151.

14. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), tldd, quyển nhì, tr. 55.

15. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), quyển nhì, tldd, tr. 59-61.

16. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), tldd, quyển sáu, tr. 151.

17. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), tldd, quyển sáu, tr. 160-161.

18. Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), tldd, Phần Thi văn giáo lý, Khuyên bỏ dị đoan, tr.176.

Tài liệu tham khảo khác

1. Trần Văn Chánh, Bùi Thanh Hải (chủ biên, 2017), *Phật giáo Hoà Hảo một tôn giáo cận nhân tình trong lòng dân tộc*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo - Ban phổ thông giáo lý trung ương (1966), *Sám giảng thi văn toàn bộ của Đức Huỳnh Giáo Chủ*.

3. Bùi Thị Thu Hà (2012), *Phật giáo Hoà Hảo tri thức cơ bản*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

Trần Hoàng Phong - Đinh Văn Nhân: Hòa Hảo Buddhism's policy of eliminating superstition

Hòa Hảo Buddhism is an endogenous religion which was founded by Mr. Huỳnh Phú Sổ in 1939 in the South of Viet Nam. Hòa Hảo Buddhism has the policy of studying Buddhism and self-training, which is similar to *Bửu Sơn Kỳ Hương and Tứ Ân Hiếu nghĩa*, two religions that were established earlier. Hòa Hảo Buddhism highlights the policy of eliminating superstition, which is clearly expressed as follows: no more building of statues and pagodas; worshipping ancestors, heroes and martyrs; not worshipping Buddhas and spirits of unknown origin; no enormous offerings; not burning votive paper.

Keywords: Eliminating superstition, Hòa Hảo Buddhism, endogenous religion.